

Bản án số: 45/2024/HS-ST

Ngày: 02/4/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy;

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2024/HSST ngày 20 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Đoàn Quốc N, sinh năm: 1967, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2 D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; con ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị T; bị cáo có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; tiền án: Ngày 04/8/2017, bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm 6 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 05 năm, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo bản án số 156/2017/HS-ST. Ngày 29/10/2018, bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo bản án số 272/2018/HS-ST ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ là 05 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2021; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2022 đến nay - Có mặt.

2/ Họ và tên: Cao Đoàn Minh H, tên gọi khác: T1, sinh năm: 1982, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: H T,

phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 2 H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; con ông Cao Minh T2 và bà Đoàn Thị Lệ T3; bị cáo có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2022 đến nay – Có mặt.

3/ Họ và tên: Đoàn Văn T4, sinh năm: 1957, tại Long An; giới tính: nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An; nơi cư trú: B L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 05/12; con ông không rõ và bà Đoàn Thị B; bị cáo có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1989); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2022 đến nay – Có mặt.

4/ Họ và tên: Phạm Thúy H1, sinh năm: 1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 2 H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Dược sĩ; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Thị M; bị cáo có chồng và 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2022 đến nay – Có mặt.

5/ Họ và tên: Đoàn Thị Lệ T3, sinh năm: 1960, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: H T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; con ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị T; bị cáo có chồng và 02 con (lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1982); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2022 đến nay – Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Trọng T5 là luật sư Văn phòng L6 thuộc đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho Đoàn Thị Lệ T3 – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Duy Bảo K, sinh năm 2000; địa chỉ: C B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2. Ông Ngô Thanh H3, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

3. Ông Ngô Phước H4, sinh năm 2000; địa chỉ: 5 B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990; địa chỉ: 4 H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

5. Bà Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1984; địa chỉ: Số F, Tổ E, Khu V, phường H, quận C, Thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

6. Ông Trần Văn P, sinh năm 1959; địa chỉ: 1 L, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

7. Bà Võ Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: Số H, T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

8. Bà Cao Đoàn Kiều N1, sinh năm 1980; địa chỉ: Số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

9. Ông Đoàn Văn P1, sinh năm 1989; địa chỉ: Số B, Khu B, ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An – Vắng mặt.

10. Ông Ngô Ngọc H5; địa chỉ: 1 đường A, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

11. Bà Phạm Thị Kiều T6; địa chỉ: ấp T, xã T, Thị xã H, tỉnh Đồng Tháp – Vắng mặt.

12. Ông Trần Tuấn K1; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An – Vắng mặt.

13. Bà Ngô Thủy T7; địa chỉ: Tổ F, phường P, quận L, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt.

14. Ông Nguyễn Bảo K2; địa chỉ: 4 T, Phường A, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu – Vắng mặt.

15. Bà Phan Thị T8; địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang – Vắng mặt.

16. Ông Trần Lê Mạnh Q; địa chỉ: khu phố P, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

17. Ông Dương Đức N2; địa chỉ: xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp – Vắng mặt.

18. Ông Chen J; địa chỉ: Nhà số D, X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc – Vắng mặt.

19. Ông Li Jian X; địa chỉ: Số I, đường U, Thành phố T, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc – Vắng mặt.

20. Bà Li L1; địa chỉ: CT1 - C, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương – Vắng mặt.

21. Bà Ngô Diệu Linh P2; địa chỉ: A B, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

22. Ông Li J1; địa chỉ: Số I, thôn H, làng Đ, huyện C, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc – Vắng mặt.

23. Bà Nguyễn Thị N3; địa chỉ: thôn Đ, Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước – Vắng mặt.

24. Bà Trần Thị Kim C1; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

25. Ông Huỳnh Văn H6; địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận – Vắng mặt.

26. Bà Ngô Thùy T9; địa chỉ: Tổ F, phường P, quận L, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt.

27. Ông Trần Văn L2; địa chỉ: xã A, huyện M, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt.

28. Ông Trần Lê Mạnh Q; địa chỉ: 4 khu phố P, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

29. Ông Nguyễn Bảo K2; địa chỉ: 4 T, Phường A, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu – Vắng mặt.

30. Ông Bùi Cẩm S, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu E, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt.

31. Bà Đoàn Thị Thanh H7; địa chỉ: xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ – Vắng mặt.

32. Bà Hà Thị Ngọc K3; địa chỉ: Khu B, Q, V, C, Phú Thọ – Vắng mặt.

33. Ông Nguyễn Thái P3; địa chỉ: xã B, huyện N, tỉnh Nam Định – Vắng mặt.

34. Ông Kim Hiền P4, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh – Vắng mặt.

35. Bà Lê An T10; địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

36. Bà Trần Ngọc T11; địa chỉ: xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang – Vắng mặt.

37. Bà Kiều D1; địa chỉ: thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt.

38. Ông Đặng H8; địa chỉ: Số H D, T, quận H, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt.

39. Ông Nghiêm Mạnh C2; địa chỉ: xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương – Vắng mặt.

40. Ông Đinh Mạnh C3; địa chỉ: G - Ô H, Thành phố N, tỉnh Nam Định – Vắng mặt.

41. Bà Vũ Thị Mai A; địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình – Vắng mặt.

42. Bà Ngô Thị Mai T12; địa chỉ: TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt.

43. Bà Ngô Thị H9; địa chỉ: xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai – Vắng mặt.

44. Ông Đặng Xuân T13, sinh năm 1985; địa chỉ: Đ, Thành phố H, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt.

45. Bà Lục Thị H10; địa chỉ: thôn V, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt.

46. Ông Nguyễn Đức S1; địa chỉ: TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt.

47. Bà Lê Thị Y; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt.

48. Ông Phạm Đình H11; địa chỉ: xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình – Vắng mặt.

49. Ông Nguyễn Hải Đ; địa chỉ: ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

50. Ông Bùi Nguơn Huy M1, sinh năm 1968; địa chỉ: T N, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 20/10/2022, Đoàn Quốc N đang giao túi hồ sơ chứa tài liệu giả cho Đoàn Văn T4, tại nhà của T4, địa chỉ phòng số A, nhà số B L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để mang đi giao cho khách tại quận B thì bị Công an quận B phối hợp với phòng nghiệp vụ Công an Thành phố H phát hiện, bắt quả tang và tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ B, 01 chứng chỉ tin học trình độ A, 01 bằng tốt nghiệp, 01 bảng ghi kết quả học tập của trường Cao đẳng K7 mang tên Trần Minh Q1 và 05 bản sao chứng thực của mỗi tài liệu trên; 01 phong bì bưu điện (phát hiện trong cốp xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 50T2-6550 do Đoàn Quốc N sử dụng) có thông tin người gửi “A T14” 0788797511”, thông tin người nhận TUÂN, địa chỉ B B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, 0906050699” bên trong có 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông tên Huỳnh Minh Q2 và 05 bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp; 02 xe gắn máy; 03 điện thoại di động.

Mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B khám xét khẩn cấp địa chỉ B H, phường T, Quận G là nơi ở của vợ chồng Phạm Thúy H1, Cao Đoàn Minh H. Tại thời điểm khám xét khẩn cấp có H và H1 trong nhà. Thu giữ trên người Hùng 01 phong bì có thông tin “Phan Thị T8, ấp T,

xã P, huyện G, Tiền Giang", bên trong có một số tài liệu gồm: 02 chứng chỉ ngoại ngữ tiếng anh của trường Đại học Sư phạm Thành phố H và 05 bản sao của mỗi chứng chỉ. Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ tại nhà: 01 bộ máy vi tính chứa nhiều file hình ảnh văn bằng, chứng chỉ, giấy xác nhận các loại; 02 máy in màu, 01 máy scan, 01 máy ép nhựa, 08 bình mực; 02 chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân (nghỉ giả), 01 giấy phép lái xe mô tô (nghỉ giả) và 01 giấy đăng ký xe ô tô; 01 thùng tài liệu chứa 02 con dấu tròn, 02 con dấu tên, 05 con dấu đóng số, nhiều miếng kim loại hình dấu tròn vuông, tem dán bằng; 01 thùng tài liệu chứa nhiều văn bằng, chứng chỉ, phôi bằng, bìa, giấy in bằng, phong bì, túi đựng hồ sơ, dụng cụ in; 05 điện thoại; 02 xe mô tô.

Cùng ngày 20/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B khám xét khẩn cấp nhà của Đoàn Thị Lệ T3 (mẹ ruột H), địa chỉ G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Thu giữ đồ vật, tài liệu gồm có: 01 bộ máy vi tính, qua kiểm tra trích xuất dữ liệu trên máy vi tính trong máy có chứa nhiều hình ảnh các phôi văn bằng, chứng chỉ, giấy xác nhận các loại có ghi thông tin khách hàng ở các địa bàn khác nhau trên phạm vi nhiều tỉnh thành; 01 thùng tài liệu có chứa 02 văn bằng chứng chỉ các loại nghỉ là giả của Sở giáo dục và đào tạo Thành phố H, trường Đại học Sao Đỏ tỉnh H, 10 chứng chỉ, bản ghi kết quả học tập là bản sao y chứng thực do các cơ quan Nhà nước xác nhận; 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn N4, 01 chứng minh nhân dân và 01 căn cước công dân tên Nguyễn Thanh T15; 02 điện thoại; 01 đầu thu dữ liệu camera; 01 máy ép bằng kim loại.

Ngày 10/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh chuyển vụ án đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3 để điều tra theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra, Đoàn Quốc N, Cao Đoàn Minh H, Đoàn Văn T4, Phạm Thúy H1, Đoàn Thị Lệ T3 khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng tháng 02/2022, Đoàn Quốc N và Cao Đoàn Minh H bàn bạc cùng thực hiện hành vi làm con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức như các bằng cấp, chứng chỉ giả các loại để bán cho khách đặt mua trên mạng xã hội. Sau khi bàn bạc, H mua công cụ, máy móc, nguyên liệu về đặt tại nhà Đoàn Thị Lệ T3, địa chỉ số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện.

N sử dụng tài khoản Zalo tên “Con Sóng T16”, “Tiến Tiên”, H sử dụng tài khoản Zalo tên “Thiện Tâm”. N có nhiệm vụ nhận thông tin từ khách, sau đó cung cấp thông tin, loại văn bằng chứng chỉ giả cần làm rồi gửi qua Zalo cho H để H trực tiếp làm giả. Khi có đủ thông tin, H sử dụng máy vi tính để xử lý làm và in phun màu, in laser màu để tạo ra các văn bằng, chứng chỉ giả. Đối với căn cước công dân, H tự làm giả bằng cách lên mạng tra cứu ảnh căn cước công dân gắn chip rồi tải về máy vi tính để chỉnh sửa. Sau đó, H in phun màu lên phôi giấy rồi ép nhựa. Sau khi làm xong tài liệu giả, H giao cho N đi bán cho khách. Mỗi bộ tài liệu giả hoàn chỉnh giao cho khách (gồm 01 văn

bằng/chứng chỉ chính, kèm theo 03-05 bản sao chứng thực), H bán cho N giá 400.000 đồng/bộ. N tự bán, thu tiền của khách và chịu mọi chi phí như trả tiền công cho người đi giao, gửi tài liệu cho khách. Nếu bán được tài liệu giả với giá cao hơn thì N hưởng. Ngoài ra, H còn trực tiếp làm bán và giao cho khách đặt mua tài liệu giả với giá 1.000.000 đồng/01 bộ tài liệu giả.

Đến tháng 4/2022, H chuyển máy móc về nhà của vợ chồng H - H1 ở địa chỉ B, H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp tục làm tài liệu giả tại đây. H nhận làm tài liệu giả do N hoặc khách hàng trực tiếp đặt mua. N trực tiếp hoặc thông qua T3 và H1 để tìm kiếm khách hàng đặt mua tài liệu giả, thuê và trả tiền công cho người đi giao tài liệu giả như T3 và Đoàn Văn T4.

H1 sử dụng tài khoản Zalo tên “Làm Lại Từ Đầu”, “Hoàng Tam”, T3 sử dụng tài khoản Zalo tên “T”. H1 có nhiệm vụ nhận tin nhắn đặt làm tài liệu giả từ N, phụ giúp H ghi chép thông tin người nhận vào các phong bì, giao tài liệu giả cho T4 để giao cho khách. Ngoài ra, H1 sử dụng tài khoản của mình số 67210000255914 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B1) tên "Phạm Thụy Hang" để khách hàng và N chuyển tiền thanh toán tiền mua tài liệu giả vào. T3 có nhiệm vụ đi gửi các tài liệu giả cho khách hàng qua dịch vụ bưu điện, gửi các nhà xe theo chỉ đạo của N, tìm kiếm khách hàng, cung cấp thông tin cho H1, H để H làm giả tài liệu. Đoàn Văn T4 có nhiệm vụ nhận tài liệu giả từ nhóm của N để đi giao cho khách hàng và nhận tiền công 100.000 đến 150.000 đồng/lần. Thúc biết N giao phong bì, bên trong có tài liệu giả để đi giao cho khách hàng, nhưng T4 vẫn đi giao tài liệu giả và thu tiền của khách trả mang tiền về theo yêu cầu của N để hưởng tiền công.

Trong quá trình làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, H khai nhận đã làm và bán khoảng 100 tài liệu giả, thu lợi bất chính 40.000.000 đồng, N thu lợi bất chính được 12.000.000 đồng, T3 đã đi gửi tài liệu giả cho khách theo chỉ đạo của N khoảng 30 lần và nhận tiền công, thu lợi bất chính được 6.000.000 đồng, H1 không thu lợi bằng cách được trả công mà H đưa tiền tiêu xài sinh hoạt chung trong gia đình, thu lợi bất chính 5.000.000 đồng; T4 thu lợi bất chính được 2.500.000 đồng.

Ngoài ra, N và H còn đưa tài liệu giả đựng trong phong bì cho Trần Văn P (tài xế xe ôm) để P đi gửi bưu cục giao cho khách. P không biết phong bì N, H đưa bên trong có tài liệu giả. Trương Thị Ngọc D (chung sống như vợ chồng với Đoàn Quốc N) biết việc N làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, không tham gia làm tài liệu giả nhưng biết việc N sử dụng tài khoản ngân hàng của D đưa khách mua tài liệu giả chuyển tiền vào, D đã can ngăn N nhưng không được.

Đối với những tài liệu giả như bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy phép lái xe, chứng minh nhân dân... cơ quan điều tra thu giữ, các bị cáo khai nhận là tài liệu giả, do giấy bị lỗi hoặc khách hàng đặt mua nhưng chưa nhận, còn để

tại nhà thì bị thu giữ.

Những người mua tài liệu giả xác định được gồm Nguyễn Thị Hồng V mua bằng cấp giả để xin việc làm nhưng chưa xin được việc làm, chưa sử dụng bằng cấp giả; Phạm Duy Bảo K mua bằng cấp giả để xin việc làm nhân viên kho Công ty trách nhiệm hữu hạn L7.

* Theo Kết luận giám định số 6083/KL-KTHS ngày 27/10/2022 của Phòng K8 Công an Thành phố H, kết luận: 07 tài liệu cần giám định được ký hiệu từ A1 đến A7 là giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu:

+ 02 chứng minh nhân dân số 382027276 cấp ngày 26/5/2015 tên Lý Quốc K4, ký hiệu A1, A2.

+ 01 chứng minh nhân dân số 122045744 cấp ngày 16/8/2015 tên Nguyễn Văn N4, ký hiệu A3.

+ 01 chứng minh nhân dân số 366001262 cấp ngày 15/4/2015 tên Nguyễn Thanh T15, ký hiệu A4.

+ 01 căn cước công dân số 079082025260 cấp ngày 02/5/2022 tên Nguyễn Thanh T15, ký hiệu A5.

+ 01 căn cước công dân số 079076001124 cấp ngày 26/4/2021 tên Trần Quốc V1, ký hiệu A6.

+ 01 giấy phép lái xe số AT 746965 cấp ngày 09/12/2014 tên Trần Quốc V1, ký hiệu A7.

- 01 giấy đăng ký xe ô tô số 081042 cấp ngày 14/02/2011 tên Phan Hồng N5, ký hiệu A8 là thật.

* Theo Kết luận giám định số 6115/KL-KTHS ngày 27/10/2022 của Phòng K8 Công an Thành phố H, kết luận đối với 13 tài liệu cần giám định là được làm giả:

- Các tài liệu (tổng cộng 12 tài liệu) sau được làm giả bằng phương pháp in phun màu:

+ Bản in phôi giấy, hình dấu tròn có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH”, chữ ký mang tên GS.TS. Huỳnh Văn S2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2.

+ Bản in phôi giấy, hình dấu tròn có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI”, chữ ký mang tên PGS.TS. Trần Đắc S3 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3.

+ Bản in phôi giấy, hình dấu tròn có nội dung “BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI - TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP.HỒ CHÍ MINH”, chữ ký mang tên PGS.TS. Nguyễn Văn T17 trên tài liệu cần giám

định ký hiệu A4.

+ Hình dấu tròn có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5.

+ Hình dấu tròn có nội dung “BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI - TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP.HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A6.

+ Bản in phôi giấy, hình dấu tròn có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC C”, chữ ký mang tên GS.TSKH.Hồ Đắc Lộc trên tài liệu cần giám định ký hiệu A8.

+ Bản in phôi giấy, hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO”, chữ ký mang tên Lê Hồng S4 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A9.

+ Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - QUẬN 1 - TP . HỒ CHÍ MINH”, chữ ký mang tên Nguyễn Thị Quỳnh T18 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A10 đến A13.

- Hình dấu tròn có nội dung “M.S.D.N:0312967321-C.T.T.N.H.H-Q.TÂN PHÚ – TP . - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HUẤN LUYỆN AN TOÀN KỸ THUẬT MIỀN NAM”, chữ ký mang tên Nguyễn Vũ H12 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A7 được làm giả bằng phương pháp in laser màu.

- Không đủ cơ sở kết luận bản in phôi giấy tài liệu cần giám định ký hiệu A7 là thật hay giả do không có mẫu so sánh tương ứng.

* Theo Kết luận giám định số 6117/KL-KTHS ngày 27/10/2022 của Phòng K8 Công an Thành phố H, kết luận 33 tài liệu cần giám định là được làm giả bằng phương pháp in phun màu:

- Bản in phôi giấy, hình dấu tròn có nội dung “BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG”, chữ ký mang tên TS. Đào Khánh D2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5.

- Hình dấu tròn có nội dung “BỘ CÔNG THƯƠNG - TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A6, A7.

- Bản in phôi giấy, hình dấu tròn có nội dung “L8 – TRƯỜNG BỒ TÚC VĂN HÓA TÔN ĐỨC THẮNG”, chữ ký mang tên Hà Hữu S5 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A8.

- Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - QUẬN 1 - TP . HỒ CHÍ MINH”, chữ ký mang tên Nguyễn Thị Quỳnh

T18 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A9 đến A33.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trần Anh T19 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A6 (đã nêu ở mục II.1) là thật hay giả do không có mẫu so sánh tương ứng.

* Theo Kết luận giám định số 6216/KL-KTHS ngày 10/11/2022 của Phòng K8 Công an Thành phố H, kết luận đối với 45 tài liệu cần giám định là được làm giả:

- Tài liệu cần giám định ký hiệu A1 là giả (hình dấu tròn được làm giả bằng phương pháp in phun màu, chữ ký được ký giả trực tiếp): 01 Phiếu điểm đứng tên Nguyễn Thị Hồng V, đề ngày 28/10/2015 (ký hiệu A1).

- 44 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A2 đến A45 là giả (hình dấu tròn và chữ ký được làm giả bằng phương pháp in phun màu):

+ 01 Chứng chỉ đào tạo số 114234 TH-DN, đứng tên Phạm Thị Kiều T6, đề ngày 30/9/2019 (ký hiệu A2);

+ 01 Bằng tốt nghiệp Cao đẳng số hiệu B132526, đứng tên Nguyễn Thị H13, đề ngày 29/9/2016 (ký hiệu A3);

+ 01 Bằng tốt nghiệp Đại học số hiệu 00025125, đứng tên Hoàng Văn N6, đề ngày 17/11/2013 (ký hiệu A4);

+ 01 Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp số A636878, đứng tên Nguyễn Phước L3, đề ngày 30/7/2022 (ký hiệu A5);

+ 01 Bằng tốt nghiệp Đại học số hiệu 00359806, đứng tên Nguyễn Thị Hồng V, đề ngày 28/10/2015 (ký hiệu A6);

+ 01 Phiếu kết quả học tập đứng tên Lê Đức H14, đề ngày 10/01/2014 (ký hiệu A7);

+ 01 Giấy chứng nhận kết quả học tập đứng tên Hoàng Văn N6, đề ngày 17/11/2013 (ký hiệu A8);

+ 01 Bảng ghi điểm thi đứng tên Nguyễn Phước L3, đề ngày 30/7/2022 (ký hiệu A9);

+ 01 Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông số hiệu 0014408/BTTH, đứng tên Trần Thị T20, đề ngày 15/10/2005 (ký hiệu A10);

+ 01 Bảng ghi kết quả học tập đứng tên Nguyễn Thị H13, đề ngày 29/9/2016 (ký hiệu A11);

+ 04 Giấy xác nhận điểm khóa học 2015 - 2018 đứng tên Viện Văn H15, cùng đề ngày 15/10/2022 (ký hiệu từ A12 đến A15);

+ 02 Trích lục đăng ký nhận cha, con giữa Chen J và Nguyễn Trần Cần K5, cùng đề ngày 07/10/2022 (ký hiệu A16, A17);

+ 05 bản sao Bằng tốt nghiệp Đại học số hiệu 00025125, đứng tên Hoàng Văn N6, cùng đề ngày 17/11/2013 (ký hiệu từ A18 đến A22);

+ 05 bản sao Giấy chứng nhận kết quả học tập đứng tên Hoàng Văn N6, cùng đề ngày 17/11/2013 (ký hiệu từ A23 đến A27);

+ 08 bản sao Phiếu điểm đứng tên Nguyễn Thị Hồng V, cùng đề ngày 28/10/2015 (ký hiệu từ A28 đến A35);

+ 05 bản sao Chứng chỉ ngoại ngữ số hiệu 0005832, đứng tên Nguyễn Phương A1, cùng đề ngày 05/8/2022 (ký hiệu từ A36 đến A40);

+ 05 bản sao Chứng chỉ ngoại ngữ số hiệu 0005832, đứng tên Võ Ngọc N7, cùng đề ngày 05/8/2022 (ký hiệu từ A41 đến A45).

Vật chứng vụ án:

** Thu giữ của Đoàn Quốc N:*

- 01 (một) điện thoại hiệu OPPO màu xanh dương, IMEI 1: 862366051485532, IMEI 2: 862366051485524.

- 01 (một) điện thoại hiệu Vivo 1820 màu đen xanh, IMEI 1: 860900040608432, IMEI 2: 860900040608424.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 50T2-6550, số máy: CO9E-6109926, số khung: Y-110338. Chiếc xe trên do ông Bùi Nguơn Huy M1 đứng tên chủ sở hữu, ông M1 khai năm 2009 ông đã cho chiếc xe trên cho cháu vợ của ông là Cao Đoàn Kiều N1 làm phương tiện đi lại. Bà N1 khai bị cáo Đoàn Quốc N mượn để sử dụng, bà không biết bị cáo N sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (một) phong bì bên trong có tài liệu:

+ 01 (một) Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do trường B2 cấp cho ông Huỳnh Minh Q2, ngày sinh 19/03/1975, cấp ngày 28/9/2006 có chữ ký của ông Hà Hữu S5 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường B2.

+ 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do trường B2 cấp cho ông Huỳnh Minh Q2, sinh ngày 19/3/1975 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.

** Thu giữ của Đoàn Văn T4:*

- 01 (một) điện thoại hiệu Nokia màu đen, IMEI 1: 358909/07/463190/4, IMEI 2: 358909/07/463191/2.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 62N1-18429. Qua giám định, số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh, xe do Đoàn Văn P1 (địa chỉ ấp C, P, B, Long An), con trai của Đoàn Văn T4, đứng tên chủ xe. Ông P1 cho T4 mượn xe để làm phương tiện đi lại. Việc T4 sử dụng xe để

phạm tội ông P1 không biết.

- 01 (một) phong bì có các tài liệu gồm:

- + 01 (một) chứng chỉ tiếng anh trình độ B do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 25/9/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7.

- + 01 (một) bằng tốt nghiệp Cao Đẳng do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 20/10/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7.

- + 01 (một) chứng chỉ tin học trình độ A do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 20/10/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7.

- + 01 (một) bảng ghi kết quả học tập do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh năm 1990, cấp ngày 20/10/2014 có hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7.

- + 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ tiếng anh trình độ B do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.

- + 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ tin học trình độ A do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.

- + 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bằng tốt nghiệp Cao đẳng do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.

- + 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bảng ghi kết quả học tập do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.

- * Thu giữ khi khám xét nhà Đoàn Thị Lệ T3:

- 01 (một) CPU nhãn hiệu VSP (không có dây, phích cắm điện).

- 01 (một) màn hình máy vi tính màu đen, nhãn hiệu LG (không có dây, phích cắm điện);

- 01 (một) đầu thu dữ liệu camera màu trắng (không có dây, phích cắm

điện);

- 01 (một) máy ép kim loại.

- 01 (một) điện thoại hiệu OPPO A37fw màu hồng, IMEI 1: 865265036511718, IMEI 2: 865265036511700, có nội dung liên quan vụ án;

- 01 (một) điện thoại hiệu Itel màu đen, IMEI 1: 356524291378429, IMEI 2: 356524291378437.

- Tài liệu gồm:

- + 01 (một) chứng minh nhân dân số 366001262 tên Nguyễn Thanh T15.

- + 01 (một) thẻ căn cước công dân số 079082025260 tên Nguyễn Thanh T15;

- + 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 122045744 tên Nguyễn Văn N4;

- + 01 (một) bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do Sở giáo dục và đào tạo Thành phố H cấp cho Trần Thị T20, sinh năm 1988, cấp ngày 15/10/2005;

- + 01 (một) bằng tốt nghiệp Đại học do trường Đại học S cấp cho Hoàng Văn N6, sinh năm 1990, cấp ngày 17/11/2013.

- + 01 (một) giấy chứng nhận kết quả học tập do trường Đại học S cấp cho Hoàng Văn N6, sinh năm 1990, cấp ngày 17/11/2013;

- + 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bằng tốt nghiệp Đại học Sao Đỏ có tên Hoàng Văn N6, sinh năm 1990;

- + 02 (hai) tờ trích lục đăng ký nhận cha, con số 07/TLCMC đề ngày 07/10/2022 của Ủy ban nhân dân phường B;

- + 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính giấy chứng nhận kết quả học tập của trường Đại học S có tên Hoàng Văn N6, sinh năm 1990;

- * Thu giữ khi khám xét nhà Phạm Thúy H1 - C:

- 01 (một) điện thoại hiệu Nokia màu xanh, IMEI 1: 353408095419428, IMEI 2: 353407093997427

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 7 màu đen, IMEI số 356388104975585, của H15, có nội dung liên quan vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 7 màu đen, IMEI 1: 868574063424878, IMEI 2: 868574063424860, của H1, có nội dung liên quan vụ án.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 8 plus màu hồng, IMEI số 356714081428688.

- 01 điện thoại hiệu Iphone 6s màu xám hồng, IMEI số 355690079414859, của H15, có nội dung liên quan vụ án.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen, biển số 59C3-107.34, số máy: E3Y8E141774, số khung: C820LY141763. Qua giám định, số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh, xe do bà Võ Thị L (bạn của H15) đứng tên chủ xe. Bà L cho H15 mượn xe để đi lại, không biết H15 sử dụng xe để phạm tội.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Grande màu bạc, biển số 59C2-98309, số máy E31KE027801, số khung E520KY020591. Xe do bà Cao Đoàn Kiều N1 (chị gái của H15) đứng tên chủ xe. Bà N1 cho H15 mượn xe để đi lại, không biết H15 sử dụng xe để phạm tội.

- 01 (một) CPU màu đen, nhãn hiệu S6 (không có dây, phích cắm điện).

- 01 (một) màn hình máy vi tính màu đen, nhãn hiệu S6 (không có dây, phích cắm điện).

- 02 (hai) máy in màu nhãn hiệu Canon (không có dây, phích cắm điện)

- 01 (một) máy scan màu đen, nhãn hiệu Canon (không có dây, phích cắm điện).

- 01 (một) máy ép nhựa.

- 01 (một) thùng tài liệu chứa 130 phôi văn bằng, chứng chỉ các loại; 800 tờ giấy trắng loại A4 để in bằng; 40 cái bìa carton nhỏ.

- 01 (một) thùng chứa 02 con dấu tròn, 02 con dấu tên, 05 con dấu đóng số, 44 miếng kim loại hình dấu tròn vuông, 40 cái tem dán bằng.

- 08 (tám) bình mực.

- 04 (bốn) USB.

- Tài liệu:

+ 02 (hai) giấy chứng minh nhân dân số 382027276 tên Lý Quốc K4.

+ 01 (một) căn cước công dân số 079076001124 tên Trần Quốc V1.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số AT746965 tên Trần Quốc V1.

+ 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô biển số 51A-048.31 số 081042 tên Phan Hồng N5.

+ 01 (một) chứng chỉ đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp và dạy nghề do Trường Đại học Y Dược Thành phố H cấp cho Phạm Thị Kiều T6, sinh năm 1989, cấp ngày 30/9/2019.

+ 04 (bốn) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp và dạy nghề do trường Đại học y dược Thành phố H cấp cho bà Phạm Thị Kiều T6, sinh năm 1989 có chữ ký của bà

Nguyễn Thị Quỳnh T18 - Phó trưởng phòng và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.

+ 01 (một) bảng ghi điểm thi do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Nghiêm Mạnh C2, sinh ngày 31/7/1991, cấp ngày 26/8/2013 có hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H.

+ 01 (một) chứng chỉ tiếng anh trình độ B do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 25/9/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 - Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7.

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp Cao đẳng do trường Cao đẳng y dược Pasteur cấp cho Nguyễn Thị H13, sinh năm 1974, cấp ngày 29/9/2016.

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp Cao Đẳng do T21 Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 20/10/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7.

+ 01 (một) chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường Đại học công nghệ Thành phố H cấp cho ông Đặng Quốc K6, sinh ngày 02/9/1998, cấp ngày 05/9/2022 có chữ ký của ông Hồ Đắc L4 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Đại học công nghệ Thành phố H.

+ 01 (một) bảng ghi kết quả học tập do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 20/10/2014 có chữ ký của ông Trần Anh T19 – Trưởng phòng đào tạo và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7.

+ 01 (một) bảng ghi kết quả học tập do trường Cao đẳng y dược Pasteur cấp cho Nguyễn Thị H13, sinh năm 1974, cấp ngày 29/9/2016.

+ 01 (một) bảng ghi điểm do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Đinh Mạnh C4, sinh ngày 02/1/1987, cấp ngày 17/11/2010 có hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H.

+ 01 (một) bằng kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Nghiêm Mạnh C2, sinh ngày 31/7/1991, cấp ngày 26/8/2013 có chữ ký của ông Nguyễn Văn T17 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H.

+ 01 (một) bằng kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Đinh Mạnh C3, sinh ngày 02/01/1987, cấp ngày 17/11/2010 có chữ ký của ông Trần Đắc S3 - Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H.

+ 01 (một) bằng ghi điểm do trường Trung cấp kinh tế công nghệ V2 cấp cho Nguyễn Phước L3, sinh năm 1995, cấp ngày 30/7/2022.

+ 01 (một) phiếu kết quả học tập do trường Cao đẳng Y1 cấp cho Lê Đức H14, sinh năm 1988, cấp ngày 10/01/2014.

+ 01 (một) giấy xác nhận điểm do trường Trung học phổ thông T22 - tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho Viện Văn H15, sinh năm 2000, cấp ngày 15/10/2022.

+ 01 (một) chứng chỉ huấn luyện do Công ty trách nhiệm hữu hạn H17 cấp cho ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1974, cấp ngày 08/12/2015 có chữ ký của ông Nguyễn Vũ H12 – Giám đốc và hình dấu tròn của Công ty trách nhiệm hữu hạn H17.

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp do trường T23 cấp cho Nguyễn Phước L3, sinh năm 1995, cấp ngày 30/7/2022.

+ 01 (một) con dấu tròn ghi chữ “PHÒNG TƯ PHÁP”

+ 01 (một) con dấu tròn ghi chữ “UBND phường 5, Q . G”

+ 44 (bốn mươi bốn) hình dấu

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ tiếng anh bậc 3 do trường Đại học sư phạm Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Phụng A1, sinh ngày 29/8/1998, cấp ngày 05/8/2022 có chữ ký của ông Huỳnh Văn S2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Đại học sư phạm Thành phố H.

+ 01 (một) Chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ tiếng anh bậc 4 do trường Đại học sư phạm Thành phố H cấp cho bà Võ Ngọc N7, sinh ngày 04/9/1998, cấp ngày 05/8/2022 có chữ kí ông Huỳnh Văn S2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của Trường Đại học sư phạm Thành phố H.

+ 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 của trường Đại học sư phạm Thành phố H có tên Võ Ngọc N7, sinh năm 1998.

+ 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 của trường Đại học sư phạm Thành phố H có tên Nguyễn Phụng A1, sinh năm 1998.

* Thu giữ của Phạm Duy Bảo K và Nguyễn Thị Hồng V:

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do Trung tâm giáo dục thường xuyên quận B cấp cho ông Phạm Duy Bảo K, sinh ngày 01/10/2000, cấp ngày 30/12/2018 có chữ ký của ông Lê Hồng S4 – Giám đốc trung tâm và hình dấu tròn của Sở giáo dục và đào tạo Thành phố H.

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp đại học do trường Đại học N8 cấp cho Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990, cấp ngày 28/10/2015.

+ 01 (một) phiếu điểm do trường Đại học N8 cấp cho Nguyễn Thị Hồng

V, sinh năm 1990, cấp ngày 28/10/2015.

+ 08 (tám) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính phiếu điểm của trường Đại học N8 có tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990.

Tại bản cáo trạng số: 158/CT-VKSQ7 ngày 12/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố các bị cáo Đoàn Quốc N, Cao Đoàn Minh H, Đoàn Văn T4, Phạm Thúy H1, Đoàn Thị Lệ T3 về tội “Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341, Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đoàn Quốc N từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Cao Đoàn Minh H từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T4 từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; Điều 38; Điều 17; điểm s, v khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phạm Thúy H1 từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Lệ T3 từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Trọng T5 là người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị Lệ T3

thống nhất về tội danh và điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thực hiện hành vi giúp sức nhưng với vai trò không đáng kể, là người có hành vi rất đơn giản, tính chất nguy hiểm cho xã hội thấp, mức độ tham gia hạn chế nhất so với các đồng phạm khác, hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ nhận thức pháp luật giản đơn, chỉ mong muốn giúp đỡ con trong cuộc sống mà vô tình vi phạm pháp luật. Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền khắc phục hậu quả do mình gây ra là 6.000.000 (sáu triệu) đồng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bản thân luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, phụ kinh doanh quán cơm chay với gia đình và thường xuyên làm từ thiện tại địa phương; bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang trực tiếp nuôi 02 cháu nội là con của bị cáo Cao Đoàn Minh H đang ở tuổi phát triển về thể chất và nhân cách nên đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng tại Điều 341 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt bằng với thời hạn tạm giữ, tạm giam để cho bị cáo có cơ hội sớm trở về tiếp tục lao động, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu nội còn nhỏ.

Đôi đáp lại quan điểm của luật sư, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, tại phiên tòa có tình tiết mới bị cáo T3 nộp số tiền khắc phục hậu quả là 6.000.000 (sáu triệu) đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Trọng T5 không tranh luận bổ sung, vẫn giữ nguyên quan điểm bào chữa đối với bị cáo.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;
- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở kết luận:

Vì động cơ tư lợi, lợi dụng sự hiểu biết về thiết kế trên máy tính, in ấn tài liệu, từ tháng 02/2022 đến ngày 20/10/2022, các bị cáo Đoàn Quốc N, Cao Đoàn Minh H, Phạm Thúy H1, Đoàn Thị Lệ T3, Đoàn Văn T4 đã làm giả nhiều con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức như văn bằng, chứng chỉ, bằng điểm, giấy phép lái xe, chứng minh, căn cước công dân... để bán cho người có nhu cầu thông qua mạng xã hội nhằm thu lợi bất chính. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của các bị cáo đã thu giữ tổng cộng 98 tài liệu giả và các thiết bị điện tử gồm: máy tính, điện thoại di động, thiết bị điện tử lưu trữ, máy in màu, máy scan, máy ép nhựa, dấu tròn, dấu vuông, phôi bằng để làm giấy tờ giả các loại và các tài liệu khác có liên quan.

Kết quả điều tra đã xác định được: các bị cáo Đoàn Quốc N và Cao Đoàn Minh H cùng bàn bạc, thống nhất việc làm con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để bán cho khách đặt mua trên mạng xã hội. Bị cáo H trực tiếp mua công cụ, máy móc, nguyên liệu, làm và chỉnh sửa các file tài liệu, in phun màu, in laser màu để hoàn thành các tài liệu giả rồi giao cho bị cáo N đi bán. Các bị cáo Phạm Thúy H1, Đoàn Thị L5, Đoàn Văn T4 giúp sức cho bị cáo N và H đi giao tài liệu. Tổng cộng các bị cáo đã thu lợi bất chính được 65.500.000.000 đồng, trong đó: H thu lợi 40.000.000 đồng, N thu lợi 12.000.000 đồng, T3 thu lợi 6.000.000 đồng, H1 được H đưa 5.000.000 đồng tiền tiêu xài sinh hoạt chung trong gia đình, T4 thu lợi 2.500.000 đồng.

Do vậy, hành vi của các bị cáo đủ các yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây khó khăn cho công tác quản lý xã hội và làm giảm hiệu lực điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước. Hành vi làm giả tài liệu của các bị cáo đã ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo phạm tội có tổ chức, hành

vi phạm tội 02 lần trở lên nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, bị cáo Đoàn Quốc N còn có các tiền án: Ngày 04/8/2017, bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm 6 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 05 năm, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo bản án số 156/2017/HS-ST. Ngày 29/10/2018, bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo bản án số 272/2018/HS-ST ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ là 05 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2021. Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, vì vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo N.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đoàn Quốc N, Cao Đoàn Minh H, Phạm Thúy H1, Đoàn Văn T4, Đoàn Thị Lệ T3 có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo Phạm Thúy H1 là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác (được Chủ tịch nước tặng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang năm 2014) nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo Đoàn Thị Lệ T3 trong quá trình điều tra đã tự nguyện khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của từng bị cáo, hội đồng xét xử nhận định khi quyết định hình phạt cho các bị cáo như sau:

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, nên cần áp dụng quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự để phân hóa vai trò của từng bị cáo, xử phạt mỗi bị cáo với mức hình phạt phù hợp.

Các bị cáo Đoàn Quốc N và Cao Đoàn Minh H là người khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu trong vụ án. Bị cáo N là người trực tiếp tìm kiếm khách hàng để nhận thông tin rồi gửi cho bị cáo H để làm giả các con dấu, tài liệu. Bị cáo H chuẩn bị các công cụ như máy tính, máy in, máy ép kim loại, con dấu giả, các phôi giấy giả để trực tiếp làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức nên cần có mức án nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại.

Bị cáo Phạm Thúy H1 là vợ và sống chung với bị cáo H bị cáo có nhiệm

vụ nhận thông tin người cần làm giả tài liệu từ bị cáo N, trực tiếp phụ bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội như ghi chép thông tin người nhận vào phong bì, giao tài liệu giả cho bị cáo T4 để giao cho khách và sử dụng tài khoản của mình để những người cần làm giả tài liệu chuyển tiền vào. Số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội bị cáo H và H1 sử dụng và mục đích sinh hoạt gia đình chung. Đối với bị cáo Đoàn Văn T4, biết bị cáo N làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức đưa cho bị cáo đi giao cho những đối tượng đặt hàng nhưng vẫn đồng ý đi giao tài liệu và thu tiền của các đối tượng trên mang về trả cho N để hưởng tiền công. Do vậy cũng cần có hình phạt tương xứng đối với bị cáo H1 và T4.

Đối với bị cáo Đoàn Thị Lệ T3 thì tham gia vụ án với vai trò hạn chế, bị cáo không trang bị các công cụ để sử dụng làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức mà là bị cáo H tự trang bị tại nhà bị cáo. Bị cáo T3 biết bị cáo H làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức nhưng do bị cáo đã lớn tuổi, không có công ăn việc làm, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là mẹ bị cáo H và đang là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con của bị cáo H nên đã có hành vi giúp sức bị cáo H đi giao một số tài liệu giả của cơ quan tổ chức. Tại phiên tòa bị cáo H cũng đã xác nhận bị cáo T3 khi phát hiện ra bị cáo làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức đã khuyên răn, ngăn cản bị cáo H không thực hiện hành vi phạm tội nữa nhưng không được. Số tiền thu lợi bất chính của bị cáo T3, là do bị cáo H đưa cho mỗi lần khoảng 100.000 đồng đến 200.000 đồng, bị cáo T3 sử dụng để trang trải chi tiêu cho việc nuôi 02 con của bị cáo H. Trong vụ án này bị cáo T3, bị cáo H, bị cáo H1 là người cùng trong một gia đình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu bào chữa của luật sư đối với bị cáo T3, cũng như bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát: Bị cáo phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể nên áp dụng thêm quy định tại khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tại phiên tòa các bị cáo xác nhận trong thời gian thực hiện hành vi phạm tội đã có thu lợi bất chính và đồng ý nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước, cụ thể như sau: Cao Đoàn Minh Hùng nộp lại 40.000.000 đồng; Đoàn Quốc N nộp lại: 20.000.000 đồng; Đoàn Văn T4 nộp lại 2.500.000 đồng; Đoàn Thị Lệ T3 nộp lại 6.000.000 đồng; Phạm Thị Thúy H16 nộp lại 5.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

* Thu giữ của Đoàn Quốc N:

- 01 (một) điện thoại hiệu OPPO màu xanh dương đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích

phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại hiệu Vivo 1820 màu đen xanh, đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 50T2-6550, số máy: CO9E-6109926, số khung: Y-110338. Chiếc xe trên do ông Bùi Nguơn Huy M1 đứng tên chủ sở hữu, tại phiên tòa ông M1 khai năm 2009 ông đã cho chiếc xe trên cho cháu vợ của ông là Cao Đoàn Kiều N1 làm phương tiện đi lại, ông không có yêu cầu gì đối với chiếc xe trên. Bà N1 khai bị cáo Đoàn Quốc N mượn để sử dụng, bà không biết bị cáo N sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội, tại phiên tòa bà yêu cầu được nhận lại chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại. Xét thấy, yêu cầu trên của bà N1 là có căn cứ nên trả lại chiếc xe trên cho bà N1.

- 01 (một) phong bì bên trong có tài liệu:

- + 01 (một) Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do trường B2 cấp cho ông Huỳnh Minh Q2, ngày sinh 19/03/1975, cấp ngày 28/9/2006 có chữ ký của ông Hà Hữu S5 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường B2. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

- + 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do trường B2 cấp cho ông Huỳnh Minh Q2, sinh ngày 19/3/1975 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

- * Thu giữ của Đoàn Văn T4:

- 01 (một) điện thoại hiệu Nokia màu đen. Đây là phương tiện bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 62N1-18429. Qua giám định, số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh, xe do Đoàn Văn P1 (địa chỉ ấp C, P, B, Long An), con trai của Đoàn Văn T4, đứng tên chủ xe. Ông P1 cho T4 mượn xe để làm phương tiện đi lại. Việc T4 sử dụng xe để phạm tội ông P1 không biết. Ông P1 có yêu cầu xin lại chiếc xe nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho ông P1.

- 01 (một) phong bì có các tài liệu gồm:

- + 01 (một) chứng chỉ tiếng anh trình độ B do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 25/9/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp Cao Đẳng do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 20/10/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) chứng chỉ tin học trình độ A do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 18/7/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bảng ghi kết quả học tập do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh năm 1990, cấp ngày 20/10/2014 có hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ tiếng anh trình độ B do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ tin học trình độ A do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bằng tốt nghiệp Cao đẳng do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bảng ghi kết quả học tập do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

* Thu giữ khi khám xét nhà Đoàn Thị Lệ T3:

- 01 (một) CPU nhãn hiệu VSP (không có dây, phích cắm điện). Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) màn hình máy vi tính màu đen, nhãn hiệu LG (không có dây,

phích cắm điện). Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) đầu thu dữ liệu camera màu trắng (không có dây, phích cắm điện). Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) máy ép kim loại. Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại hiệu OPPO A37fw màu hồng. Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại hiệu ITEL màu đen, đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy. Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Tài liệu gồm:

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số 366001262 tên Nguyễn Thanh T15. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) thẻ căn cước công dân số 079082025260 tên Nguyễn Thanh T15. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 122045744 tên Nguyễn Văn N4. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do Sở giáo dục và đào tạo Thành phố H cấp cho Trần Thị T20, sinh năm 1988, cấp ngày 15/10/2005. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp Đại học do trường Đại học S cấp cho Hoàng Văn N6, sinh năm 1990, cấp ngày 17/11/2013. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) giấy chứng nhận kết quả học tập do trường Đại học S cấp cho Hoàng Văn N6, sinh năm 1990, cấp ngày 17/11/2013. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bằng tốt nghiệp Đại học Sao Đỏ có tên Hoàng Văn N6, sinh năm 1990. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 02 (hai) tờ trích lục đăng ký nhận cha, con số 07/TLCMC đề ngày 07/10/2022 của Ủy ban nhân dân phường B – Thành phố Đà Nẵng. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ

vụ án.

+ 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính giấy chứng nhận kết quả học tập của trường Đại học S có tên Hoàng Văn N6, sinh năm 1990. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

* Thu giữ khi khám xét nhà Phạm Thúy H16 - C:

- 01 (một) điện thoại hiệu Nokia màu xanh, đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy. Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 7 màu đen của H. Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 7 màu đen của H16. Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 8 plus màu hồng; 01 điện thoại hiệu Iphone 6s màu xám hồng của H. Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen, biển số 59C3-107.34. Qua giám định, số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh, xe do bà Võ Thị L (bạn của H) đứng tên chủ xe. Bà L cho H mượn xe để đi lại, không biết H sử dụng xe để phạm tội. Bà L có yêu cầu nhận lại chiếc xe nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Grande màu bạc, biển số 59C2-98309. Xe do bà Cao Đoàn Kiều N1 (chị gái của H) đứng tên chủ xe. Bà N1 cho H mượn xe để đi lại, không biết H sử dụng xe để phạm tội. Bà N1 có yêu cầu nhận lại chiếc xe nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại.

- 01 (một) CPU màu đen, nhãn hiệu S6 (không có dây, phích cắm điện). Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) màn hình máy vi tính màu đen, nhãn hiệu S6 (không có dây, phích cắm điện, đã qua sử dụng). Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 02 (hai) máy in màu nhãn hiệu Canon (không có dây, phích cắm điện). Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) máy scan màu đen, nhãn hiệu Canon (không có dây, phích cắm điện). Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) máy ép nhựa. Đây là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 08 (tám) bình mực, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Tài liệu:

+ 02 (hai) giấy chứng minh nhân dân số 382027276 tên Lý Quốc K4. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) căn cước công dân số 079076001124 tên Trần Quốc V1. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số AT 746965 tên Trần Quốc V1. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô biển số 51A-048.31 số 081042 tên Phan Hồng N5. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) chứng chỉ đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp và dạy nghề do Trường Đại học Y Dược Thành phố H cấp cho Phạm Thị Kiều T6, sinh năm 1989, cấp ngày 30/9/2019. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 04 (bốn) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp và dạy nghề do trường Đại học y dược Thành phố H cấp cho bà Phạm Thị Kiều T6, sinh năm 1989 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 - Phó trưởng phòng và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bảng ghi điểm thi do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Nghiêm Mạnh C2, sinh ngày 31/7/1991, cấp ngày 26/8/2013 có hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) chứng chỉ tiếng anh trình độ B do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 25/9/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 - Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp Cao đẳng do trường Cao đẳng y dược Pasteur cấp cho Nguyễn Thị H13, sinh năm 1974, cấp ngày 29/9/2016. Đây là

chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp Cao Đẳng do T21 Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 20/10/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường Đại học công nghệ Thành phố H cấp cho ông Đặng Quốc K6, sinh ngày 02/9/1998, cấp ngày 05/9/2022 có chữ ký của ông Hồ Đắc L4 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Đại học công nghệ Thành phố H. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bảng ghi kết quả học tập do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 20/10/2014 có chữ ký của ông Trần Anh T19 – Trưởng phòng đào tạo và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bảng ghi kết quả học tập do trường Cao đẳng y dược Pasteur cấp cho Nguyễn Thị H13, sinh năm 1974, cấp ngày 29/9/2016. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bảng ghi điểm do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Đinh Mạnh C3, sinh ngày 02/1/1987, cấp ngày 17/11/2010 có hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bằng kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Nghiêm Mạnh C2, sinh ngày 31/7/1991, cấp ngày 26/8/2013 có chữ ký của ông Nguyễn Văn T17 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bằng kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Đinh Mạnh C3, sinh ngày 02/01/1987, cấp ngày 17/11/2010 có chữ ký của ông Trần Đắc S3 - Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bảng ghi điểm do trường Trung cấp kinh tế công nghệ V2 cấp cho Nguyễn Phước L3, sinh năm 1995, cấp ngày 30/7/2022. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) phiếu kết quả học tập do trường Cao đẳng Y1 cấp cho Lê Đức H14, sinh năm 1988, cấp ngày 10/01/2014. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) giấy xác nhận điểm do trường Trung học phổ thông T22 - tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho Viện Văn H15, sinh năm 2000, cấp ngày 15/10/2022. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) chứng chỉ huấn luyện do Công ty trách nhiệm hữu hạn H17 cấp cho ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1974, cấp ngày 08/12/2015 có chữ ký của ông Nguyễn Vũ H12 – Giám đốc và hình dấu tròn của Công ty trách nhiệm hữu hạn H17. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp do trường T23 cấp cho Nguyễn Phước L3, sinh năm 1995, cấp ngày 30/7/2022. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ tiếng anh bậc 3 do trường Đại học sư phạm Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Phượng A1, sinh ngày 29/8/1998, cấp ngày 05/8/2022 có chữ ký của ông Huỳnh Văn S2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Đại học sư phạm Thành phố H. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) Chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ tiếng anh bậc 4 do trường Đại học sư phạm Thành phố H cấp cho bà Võ Ngọc N7, sinh ngày 04/9/1998, cấp ngày 05/8/2022 có chữ ký ông Huỳnh Văn S2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của Trường Đại học sư phạm Thành phố H. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 của trường Đại học sư phạm Thành phố H có tên Võ Ngọc N7, sinh năm 1998. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 của trường Đại học sư phạm Thành phố H có tên Nguyễn Phượng A1, sinh năm 1998. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 02 (hai) cái con dấu tròn; 02 (hai) cái con dấu tên; 05 (năm) cái con dấu đóng số; 44 (bốn mươi bốn) cái miếng kim loại hình dấu tròn vuông; 40 (bốn mươi) cái tem dán bằng; 04 (bốn) cái USB; 01 (một) cái thùng carton chứa các tài liệu; 130 (một trăm ba mươi) tờ phôi văn bằng, chứng chỉ; 800 (tám trăm) tờ tờ giấy A4; 40 (bốn mươi) cái bìa carton Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

* Thu giữ của Phạm Duy Bảo K và Nguyễn Thị Hồng V:

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do Trung tâm giáo dục thường xuyên quận B cấp cho ông Phạm Duy Bảo K, sinh ngày 01/10/2000, cấp ngày 30/12/2018 có chữ ký của ông Lê Hồng S4 – Giám đốc trung tâm và hình dấu tròn của Sở giáo dục và đào tạo Thành phố H. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) bằng tốt nghiệp đại học do trường Đại học N8 cấp cho Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990, cấp ngày 28/10/2015. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) phiếu điểm do trường Đại học N8 cấp cho Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990, cấp ngày 28/10/2015. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 08 (tám) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính phiếu điểm của trường Đại học N8 có tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990. Đây là chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[8] Đối với Trần Văn P, không biết rõ những phong bì Đoàn Quốc N, Cao Đoàn Minh H đưa bên trong có tài liệu giả; đối với Trương Thị Ngọc D, không tham gia làm tài liệu giả nhưng biết việc N sử dụng tài khoản ngân hàng của D đưa khách mua tài liệu giả chuyển tiền vào, D đã can ngăn nhưng không được, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3 không có đủ căn cứ để xử lý là đúng quy định.

Đối với người mua tài liệu giả Nguyễn Thị Hồng V để xin việc làm nhưng chưa xin được việc, chưa sử dụng tài liệu giả; Phạm Duy Bảo K mua tài liệu giả để xin việc ở kho, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3 không xử lý hình sự là có căn cứ.

Đối với những có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là những người đặt mua tài liệu giả. Ngày 25 tháng 01 năm 2024 Tòa án nhân dân Quận 7 đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 để tiến hành xác minh, điều tra thu thập tài liệu chứng cứ để làm rõ hành vi của những đối tượng đặt mua tài liệu giả của cơ quan tổ chức mà các bị cáo đã làm giả theo Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số: 05/2024/HSST-QĐ ngày 25/01/2024. Ngày 19/02/2024 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 có Công văn số: 34/VKSQ7-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 chuyển lại hồ sơ vụ án để xét xử với lý do có một số văn bằng, chứng chỉ, phiếu điểm... của các đối tượng nêu trên có ghi địa chỉ cư trú, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là đúng quy định. Vì vậy, cần kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nếu có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a, g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đoàn Quốc N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2022.

2. Căn cứ vào điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt các bị cáo Cao Đoàn Minh H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2022.

3. Căn cứ vào điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm s, v khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phạm Thúy H16 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2022.

4. Căn cứ vào điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T4 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2022.

5. Căn cứ vào điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt các bị cáo Đoàn Thị Lệ T3 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2022.

6. Về số tiền thu lợi bất chính:

Buộc bị cáo Đoàn Minh H nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Đoàn Quốc N nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Đoàn Văn T4 nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng để sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Phạm Thị Thúy H16 nộp lại số tiền thu lợi bất chính là

5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Đoàn Thị Lệ T3 nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 6.000.000 (sáu triệu) đồng để sung quỹ nhà nước. Bị cáo Đoàn Thị Lệ T3 đã nộp đủ số tiền là 6.000.000 (sáu triệu) đồng (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0038152 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

7. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

7.1. Tịch thu sung quỹ:

- 01 (một) cái điện thoại hiệu Vivo 1820 màu đen xanh (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy); 01 (một) cái điện thoại hiệu Nokia màu xanh (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy); 01 (một) cái điện thoại hiệu Itel màu đen (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy); 01 (một) cái điện thoại hiệu OPPO màu xanh dương (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy); 01 (một) cái điện thoại hiệu Iphone 7 màu đen (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy); 01 (một) cái điện thoại hiệu OPPO A37fw màu hồng (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy); 01 (một) cái điện thoại hiệu N9 màu đen (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy); 01 (một) cái điện thoại di động hiệu OPPO Reno 7 màu đen (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy); 01 (một) cái điện thoại hiệu Iphone 8 plus màu hồng (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy); 01 (một) cái điện thoại hiệu Iphone 6s màu xám hồng (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy).

- 01 (một) cái CPU màu đen, nhãn hiệu S6 (không có dây, phích cắm điện, đã qua sử dụng); 01 (một) cái CPU nhãn hiệu VSP (không có dây, phích cắm điện, đã qua sử dụng); 01 (một) cái màn hình máy vi tính màu đen, nhãn hiệu S6 (không có dây, phích cắm điện, đã qua sử dụng); 01 (một) cái máy in màu nhãn hiệu Canon (không có dây, phích cắm điện, đã qua sử dụng); 01 (một) cái máy scan màu đen, nhãn hiệu Canon (không có dây, phích cắm điện); 01 (một) cái máy ép kim loại; 01 (một) cái máy ép nhựa; 01 (một) cái máy in màu canon; 01 (một) cái đầu thu dữ liệu camera màu trắng; 01 (một) cái màn hình máy vi tính màu đen, nhãn hiệu LG (không có dây, phích cắm điện).

7.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái thùng carton; 01 (một) cái thùng kim loại; 08 (tám) bình mực

7.3. Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án:

- 02 (hai) cái con dấu tròn; 02 (hai) cái con dấu tên; 05 (năm) cái con dấu đóng số; 44 (bốn mươi bốn) cái miếng kim loại hình dấu tròn vuông; 40 (bốn mươi) cái tem dán bằng; 04 (bốn) cái USB; 01 (một) cái thùng carton chứa các tài liệu; 130 (một trăm ba mươi) tờ phô vi văn bằng, chứng chỉ; 800 (tám trăm) tờ giấy A4; 40 (bốn mươi) cái bìa carton.

- 01 (một) Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do trường B2 cấp cho ông Huỳnh Minh Q2, ngày sinh 19/03/1975, cấp ngày 28/9/2006 có chữ ký của ông Hà Hữu S5 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường B2.

- 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do trường B2 cấp cho ông Huỳnh Minh Q2, sinh ngày 19/3/1975 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.

- 01 (một) chứng chỉ tiếng anh trình độ B do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 25/9/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7.

- 01 (một) bằng tốt nghiệp Cao Đẳng do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 20/10/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7.

- 01 (một) chứng chỉ tin học trình độ A do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990, cấp ngày 18/7/2014 có chữ ký của ông Đào Khánh D2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7.

- 01 (một) bảng ghi kết quả học tập do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh năm 1990, cấp ngày 20/10/2014 có hình dấu tròn của trường Cao đẳng K7.

- 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ tiếng anh trình độ B do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.

- 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ tin học trình độ A do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.

- 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bằng tốt nghiệp Cao đẳng do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.

- 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bảng ghi kết quả học tập do trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng cấp cho ông Trần Minh Q1, sinh ngày 23/7/1990 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 366001262 tên Nguyễn Thanh T15.

- 01 (một) thẻ căn cước công dân số 079082025260 tên Nguyễn Thanh T15.
- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 122045744 tên Nguyễn Văn N4.
- 01 (một) bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do Sở giáo dục và đào tạo Thành phố H cấp cho Trần Thị T20, sinh năm 1988, cấp ngày 15/10/2005.
- 01 (một) bằng tốt nghiệp Đại học do trường Đại học S7 đở cấp cho Hoàng Văn N6, sinh năm 1990, cấp ngày 17/11/2013.
- 01 (một) giấy chứng nhận kết quả học tập do trường Đại học S cấp cho Hoàng Văn N6, sinh năm 1990, cấp ngày 17/11/2013.
- 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính bằng tốt nghiệp Đại học Sao Đỏ có tên Hoàng Văn N6, sinh năm 1990.
- 02 (hai) tờ trích lục đăng ký nhận cha, con số 07/TLCMC đề ngày 07/10/2022 của Ủy ban nhân dân phường B – Thành phố Đà Nẵng.
- 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính giấy chứng nhận kết quả học tập của trường Đại học S có tên Hoàng Văn N6, sinh năm 1990.
- 02 (hai) giấy chứng minh nhân dân số 382027276 tên Lý Quốc K4.
- 01 (một) căn cước công dân số 079076001124 tên Trần Quốc V1.
- 01 (một) giấy phép lái xe số AT746965 tên Trần Quốc V1.
- 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô biển số 51A-048.31 số 081042 tên Phan Hồng N5.
- 01 (một) chứng chỉ đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp và dạy nghề do Trường Đại học Y Dược Thành phố H cấp cho Phạm Thị Kiều T6, sinh năm 1989, cấp ngày 30/9/2019.
- 04 (bốn) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp và dạy nghề do trường Đại học y dược Thành phố H cấp cho bà Phạm Thị Kiều T6, sinh năm 1989 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh T18 - Phó trưởng phòng và hình dấu tròn của Phòng tư pháp Quận 1.
- 01 (một) bảng ghi điểm thi do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Nghiêm Mạnh C2, sinh ngày 31/7/1991, cấp ngày 26/8/2013 có hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H.
- 01 (một) bằng tốt nghiệp Cao đẳng do trường Cao đẳng y dược Pasteur cấp cho Nguyễn Thị H13, sinh năm 1974, cấp ngày 29/9/2016.
- 01 (một) chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường Đại học công nghệ Thành phố H cấp cho ông Đặng Quốc K6, sinh ngày 02/9/1998, cấp ngày 05/9/2022 có chữ ký của ông Hồ Đắc L4 – Hiệu trưởng và

hình dấu tròn của trường Đại học công nghệ Thành phố H.

- 01 (một) bảng ghi kết quả học tập do trường Cao đẳng y dược Pasteur cấp cho Nguyễn Thị H13, sinh năm 1974, cấp ngày 29/9/2016.

- 01 (một) bảng ghi điểm do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Đinh Mạnh C4, sinh ngày 02/1/1987, cấp ngày 17/11/2010 có hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H.

- 01 (một) bằng kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Nghiêm Mạnh C2, sinh ngày 31/7/1991, cấp ngày 26/8/2013 có chữ ký của ông Nguyễn Văn T17 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H.

- 01 (một) bằng kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông do trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H cấp cho ông Đinh Mạnh C3, sinh ngày 02/01/1987, cấp ngày 17/11/2010 có chữ ký của ông Trần Đắc S3 - Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Đại học giao thông vận tải Thành phố H.

- 01 (một) bảng ghi điểm do trường Trung cấp kinh tế công nghệ V2 cấp cho Nguyễn Phước L3, sinh năm 1995, cấp ngày 30/7/2022.

- 01 (một) phiếu kết quả học tập do trường Cao đẳng Y1 cấp cho Lê Đức H14, sinh năm 1988, cấp ngày 10/01/2014.

- 01 (một) giấy xác nhận điểm do trường Trung học phổ thông T22 - tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho Viện Văn H15, sinh năm 2000, cấp ngày 15/10/2022.

- 01 (một) chứng chỉ huấn luyện do Công ty trách nhiệm hữu hạn H17 cấp cho ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1974, cấp ngày 08/12/2015 có chữ ký của ông Nguyễn Vũ H12 – Giám đốc và hình dấu tròn của Công ty trách nhiệm hữu hạn H17.

- 01 (một) bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp do trường T23 cấp cho Nguyễn Phước L3, sinh năm 1995, cấp ngày 30/7/2022.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ tiếng anh bậc 3 do trường Đại học sư phạm Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Phượng A1, sinh ngày 29/8/1998, cấp ngày 05/8/2022 có chữ ký của ông Huỳnh Văn S2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của trường Đại học sư phạm Thành phố H.

- 01 (một) Chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ tiếng anh bậc 4 do trường Đại học sư phạm Thành phố H cấp cho bà Võ Ngọc N7, sinh ngày 04/9/1998, cấp ngày 05/8/2022 có chữ ký ông Huỳnh Văn S2 – Hiệu trưởng và hình dấu tròn của Trường Đại học sư phạm Thành phố H.

- 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 của trường Đại học sư phạm Thành phố H có tên Võ Ngọc N7, sinh năm 1998.

- 05 (năm) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 của trường Đại học sư phạm Thành phố H có tên Nguyễn Phương A1, sinh năm 1998.

- 01 (một) bằng tốt nghiệp trung học phổ thông do Trung tâm giáo dục thường xuyên Quận B cấp cho ông Phạm Duy Bảo K, sinh ngày 01/10/2000, cấp ngày 30/12/2018 có chữ ký của ông Lê Hồng S4 – Giám đốc trung tâm và hình dấu tròn của Sở giáo dục và đào tạo Thành phố H.

- 01 (một) bằng tốt nghiệp đại học do trường Đại học N8 cấp cho Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990, cấp ngày 28/10/2015.

- 01 (một) phiếu điểm do trường Đại học N8 cấp cho Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990, cấp ngày 28/10/2015.

- 08 (tám) bản sao y chứng thực bản sao đúng với bản chính phiếu điểm của trường Đại học N8 có tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990.

7.4. Trả lại:

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 62N1-18429 cho ông Đoàn Văn P1.

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen, biển số 59C3-107.34 cho bà Võ Thị L.

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Grande màu bạc, biển số 59C2-98309 cho bà Cao Đoàn Kiều N1.

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 50T2-6550 cho ông Bùi Ngun Huy M1.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 147 ngày 13/9/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

8. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

9. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- VKSND TP.HCM;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu số án, VT, hồ sơ (TK. Vân Anh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Lê Anh